TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **80**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hùng

Ông Lê Mộng Linh

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Tuấn Khanh –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 149/2024/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị N, sinh năm 1988. Địa chỉ thường trú: số 02 Đường số X, xã V, huyện Đ, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Tổ 19, Khu phố 6, thị trấn N, huyện N, Thành phố H. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1986. Địa chỉ: 105/5 ấp H, xã M, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Phùng Thị N trình bày:

Chị N và anh Nguyễn Minh T có kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh B; hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn,

chị N và anh T đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, hiện chị N và anh T đã không còn sống chung khoảng 06 năm nay. Trong thời gian không còn sống chung khoảng 03 năm đầu anh T có về thăm con, mỗi năm khoảng 02 lần, khoảng 03 năm nay anh T không có về thăm con chung. Trong thời gian không còn sống chung thì anh T không có cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình chung sống chị N và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Trường V, sinh ngày 25/8/2009 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/9/2015, hiện hai con chung đang chung sống cùng chị N.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị N có các yêu cầu sau:

- Về hôn nhân: chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh T. Không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trường V, sinh ngày 25/8/2009 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/9/2015. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Ngày 03/6/2024 chị Phùng Thị N có đơn xin vắng mặt.

Tại Bản tự khai ngày 21/5/2024 bị đơn Nguyễn Minh T trình bày:

Anh T và chị N kết hôn vào năm 2009 đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến T, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình sống chung có 02 con chung là Nguyễn Trường V, sinh ngày 25/8/2009 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/9/2015.

Lý do không còn sống chung: do anh T và chị N không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xảy ra bất đồng quan điểm, anh T và chị N đã không còn sống chung khoảng 06 năm nay, từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian không sống chung thì chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, anh T có đến thăm con mỗi năm 02-03 lần, có gọi điện thoại cho con, trong thời gian đó anh T không có cấp dưỡng nuôi con chung. Trước các yêu cầu của chị N, anh T có ý kiến sau:

Về hôn nhân: anh T đồng ý ly hôn với chị N. Sau khi ly hôn anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng cho anh T.

Về con chung: anh T đồng ý để chị N nuôi con chung là Nguyễn Trường V, sinh ngày 25/8/2009. Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/9/2015, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng các bản sao tất cả các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Minh T vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị N và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

* Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung: Chị N và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn hợp pháp tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh B và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 06/8/2009. Thời điểm đăng ký kết hôn anh, chị đã đủ tuổi, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Thời gian đầu anh, chị sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, chị N và anh, chị đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, hiện tại anh, chị đã không còn sống chung khoảng 06 năm nay. Đồng thời, tại Biên bản xác minh với bà Lê Thị L là mẹ ruột của anh Nguyễn Minh T ngày 03/6/2024 về việc tranh chấp ly hôn giữa chị Phùng Thị N và anh Nguyễn Minh T thì bà L cũng xác định: *"...Giữa anh T và chị N đã xảy ra mâu thuẩn và không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh T thường xuyên nhậu say và có tham gia đá gà ăn thua bằng tiền do đó lỗi dẫn đến sự việc mâu thuẫn nêu trên là của anh T..."*. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T là hợp pháp. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn nên không xem xét giải quyết.

Về con chung: thời gian sống chung chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Trường V, sinh ngày 25/8/2009 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/9/2015, hiện con chung đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi

con chung sau khi ly hôn. Anh T đồng ý để chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Trường V, sinh ngày 25/8/2009, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Anh T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/9/2015, anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy 02 cháu Nguyễn Trường V và Nguyễn Minh K đang sống chung với mẹ là chị N được chăm sóc, nuôi dưỡng, được đi học phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Tại Biên bản xác minh với bà Lê Thị L là mẹ ruột của anh Nguyễn Minh T ngày 03/6/2024 về việc tranh chấp ly hôn giữa chị Phùng Thị N và anh Nguyễn Minh T thì bà L cũng đã xác định: *"...Từ khi chị N và anh T không còn sống chung thì 02 con chung là Nguyễn Trường V và Nguyễn Minh K do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần, anh T không phụ cấp dưỡng nuôi con chung. Do anh T làm nghề xây dựng và thường xuyên đi làm xa không có ở nhà nên tôi nhận thấy chị N đủ điều kiện để nuôi dưỡng 02 con chung, anh T thường xuyên đi làm xa nhà nên không thể trực tiếp nuôi con chung được..."*. Đồng thời, tại Biên bản lấy ý kiến của cháu Nguyễn Trường V ngày 21/5/2024 và Biên bản lấy ý kiến của cháu Nguyễn Minh K ngày 03/6/2024 tại Tòa án thì cháu V và cháu K cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Vì đây là sự tự nguyện thỏa thuận, phù hợp pháp luật nên được công nhận. Lẽ đó, giao con chung cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về tài sản chung: Chị N và anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị N và anh T trình bày không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do đó, căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị N:

Về hôn nhân: chị N được ly hôn với anh T. Chị N và anh T không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét.

Về con chung: Chị N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Trường V, sinh ngày 25/8/2009 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/9/2015, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị N không yêu cầu.

Về tài sản chung: chị N và anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị N và anh T trình bày không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: anh Nguyễn Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 105/5 ấp H, xã M, huyện T, tỉnh B. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: chị Phùng Thị N có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Minh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án là Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/5/2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N, anh T.

[4] Về hôn nhân: Chị Phùng Thị N và anh Nguyễn Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Thạnh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/8/2009. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị N và anh T được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị N xin ly hôn với anh T là do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị N và anh T cũng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành, nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N và anh T đã không còn sống chung khoảng 06 năm nay. Anh T trình bày do anh T và chị N không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xảy ra bất đồng quan điểm, anh T và chị N đã không còn sống chung từ năm 2018 đến nay và qua yêu cầu ly hôn của chị N thì anh T đồng ý. Xét thấy: Từ năm 2018 cho đến nay chị N và anh T không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Đồng thời, tại Biên bản xác minh đối với mẹ ruột anh Nguyễn Minh T là bà Lê Thị L thì bà L có cung cấp thông tin như sau: *"...Giữa anh T và chị N đã xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh T thường xuyên nhậu say và có tham gia đá gà ăn thua bằng tiền do đó lỗi dẫn đến sự việc mâu thuẫn nêu trên là của anh T..."*. Do đó, có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử

căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp.

[5] Về con chung: Thời gian sống chung chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Trường V, sinh ngày 25/8/2009 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/9/2015, hiện con chung đang sống chung với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đồng ý để chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Trường V, sinh ngày 25/8/2009, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/9/2015, anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án 02 con chung Nguyễn Trường V và Nguyễn Minh K đang sống chung với chị N được chăm sóc, nuôi dưỡng, được đi học, phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Tại Biên bản xác minh với bà Lê Thị L là mẹ ruột của anh Nguyễn Minh T ngày 03/6/2024 thì bà L xác định: *"...Từ khi chị N và anh T không còn sống chung thì 02 con chung là Nguyễn Trường V và Nguyễn Minh K do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần, anh T không phụ cấp dưỡng nuôi con chung. Do anh T làm nghề xây dựng và thường xuyên đi làm xa không có ở nhà nên tôi nhận thấy chị N đủ điều kiện để nuôi dưỡng 02 con chung, anh T thường xuyên đi làm xa nhà nên không thể trực tiếp nuôi con chung được..."*. Đồng thời, tại Biên bản lấy ý kiến của cháu Nguyễn Trường V ngày 21/5/2024 và Biên bản lấy ý kiến của cháu Nguyễn Minh K ngày 03/6/2024 tại Tòa án thì cháu V và cháu K đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó, nhằm bảo đảm được sự phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần và hạn chế sự xáo trộn về môi trường sống cho các con chung Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung là cháu Nguyễn Trường V, sinh ngày 25/8/2009 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/9/2015 cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị N không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

[6] Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị N và anh T không có yêu cầu.

[7] Về tài sản chung: Chị N và anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị N và anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Phùng Thị N phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phùng Thị N. Chị Phùng Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Minh T. Không xem xét giải quyết yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn do chị N và anh T không có yêu cầu.

2. Về con chung: Chị Phùng Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Trường V, sinh ngày 25/8/2009 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 18/9/2015. Anh T không cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn do chị N không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: chị Phùng Thị N và anh Nguyễn Minh T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Phùng Thị N và anh Nguyễn Minh T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

5.1. Chị Phùng Thị N phải nộp 75.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000081 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong. Chị Phùng Thị N được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền 225.000 đồng.

5.2. Anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ chịu 75.000 đồng.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Thạnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tơ